Người ký: CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 29.05.2026 16:42:49 +07:00

TTĐT(2)

| CHÍNH PHỦ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
|---|---|
| | Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| Số: 184/2026/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2026* |

# NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14, Luật số 81/2025/QH15 và Luật số 132/2025/QH15;*

*Theo đề nghị của Tổng Thanh tra Chính phủ;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ.*

**Điều 1. Bổ sung điểm d1 vào sau điểm d khoản 1 Điều 1**

"d1) Khoản 1 Điều 61 về thẩm quyền của cơ quan thanh tra trong việc thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng;".

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3**

**"Điều 3. Nội dung giải trình**

1. Căn cứ pháp lý của việc ban hành quyết định, thực hiện hành vi.

2. Thẩm quyền ban hành quyết định, thực hiện hành vi.

3. Trình tự, thủ tục ban hành quyết định, thực hiện hành vi.

4. Mục đích, lý do ban hành quyết định, thực hiện hành vi.

5. Nội dung, phương thức thực hiện quyết định, hành vi.

6. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan (nếu có).".

**Điều 3. Bổ sung Điều 3a và Điều 3b vào sau Điều 3**

**"Điều 3a. Nguyên tắc thực hiện trách nhiệm giải trình**

1. Bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời, khách quan và được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu giải trình được tiếp cận thông tin.

3. Bảo đảm bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Việc thực hiện trách nhiệm giải trình phải gắn với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; cá nhân có thẩm quyền, trách nhiệm trực tiếp trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ phải chủ động giải trình và chịu trách nhiệm về nội dung giải trình của mình.

5. Mọi hành vi không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không trung thực hoặc cản trở việc yêu cầu, cung cấp thông tin giải trình phải được phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

**Điều 3b. Hình thức giải trình**

1. Việc giải trình của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được thực hiện thông qua các hình thức sau đây:

a) Giải trình trực tiếp tại cuộc họp, buổi làm việc với người yêu cầu giải trình;

b) Giải trình bằng văn bản. Văn bản giải trình được gửi cho người yêu cầu giải trình bằng văn bản giấy hoặc qua môi trường điện tử.

2. Việc lựa chọn hình thức giải trình phải bảo đảm phù hợp với tính chất, nội dung và yêu cầu giải trình.".

**Điều 4. Bổ sung Điều 5a vào sau Điều 5**

**"Điều 5a. Các hành vi vi phạm về trách nhiệm giải trình**

1. Không thực hiện giải trình khi có yêu cầu hợp pháp.

2. Cố ý giải trình không đầy đủ, không trung thực.

3. Cố ý kéo dài thời gian giải trình.

4. Cung cấp thông tin sai lệch, che giấu thông tin hoặc cản trở việc thực hiện yêu cầu giải trình.

5. Cá nhân thực thi nhiệm vụ, công vụ không báo cáo người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị về yêu cầu giải trình, nội dung giải trình và việc thực hiện trách nhiệm giải trình.

6. Cung cấp thông tin không được phép công khai; cung cấp thông tin cho cơ quan, tổ chức, cá nhân không liên quan đến việc thực hiện trách nhiệm giải trình.

7. Không lưu trữ, quản lý hồ sơ giải trình theo quy định của pháp luật.".

**Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Điều 7**

"**Điều 7. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân thực thi nhiệm vụ, công vụ trong việc thực hiện trách nhiệm giải trình**

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm:

a) Quy định cụ thể việc thực hiện trách nhiệm giải trình trong nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Phân công cá nhân hoặc bộ phận có trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu giải trình;

c) Tổ chức thực hiện việc giải trình trong phạm vi quản lý của mình;

d) Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện trách nhiệm giải trình;

đ) Xử lý người có hành vi vi phạm khi thực hiện trách nhiệm giải trình;

e) Chịu trách nhiệm khi để xảy ra hành vi vi phạm về trách nhiệm giải trình.

2. Cá nhân thực thi nhiệm vụ, công vụ có trách nhiệm:

a) Chủ động thực hiện việc giải trình với người yêu cầu giải trình;

b) Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giải trình;

c) Báo cáo người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị về yêu cầu giải trình, nội dung giải trình và việc thực hiện trách nhiệm giải trình;

d) Chịu trách nhiệm trước người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và trước pháp luật về nội dung giải trình.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu, dữ liệu liên quan để làm rõ nội dung giải trình.".

**Điều 6. Bổ sung Điều 7a sau Điều 7**

**"Điều 7a. Trách nhiệm xây dựng Khung tiêu chí và Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện trách nhiệm giải trình**

1. Thanh tra Chính phủ ban hành Khung tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện trách nhiệm giải trình trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ (sau đây gọi chung là Khung tiêu chí) để hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ (sau đây gọi chung là Bộ tiêu chí) cho ngành, lĩnh vực mình quản lý.

2. Khung tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Nguyên tắc, mục tiêu và yêu cầu đánh giá;

b) Các nhóm tiêu chí đánh giá;

c) Thang điểm, phương pháp chấm điểm, xếp loại kết quả đánh giá;

d) Nguồn thông tin, dữ liệu phục vụ đánh giá;

đ) Trình tự, thủ tục tổ chức đánh giá;

e) Cơ chế kiểm tra, rà soát, bảo đảm tính khách quan, trung thực của kết quả đánh giá.

3. Các nhóm tiêu chí đánh giá gồm:

a) Tính đầy đủ, kịp thời, chính xác của việc thực hiện giải trình;

b) Mức độ tuân thủ trình tự, thủ tục giải trình;

c) Mức độ công khai, minh bạch trong giải trình;

d) Mức độ đáp ứng yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu giải trình;

đ) Việc xử lý vi phạm trong thực hiện trách nhiệm giải trình.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm:

a) Căn cứ Khung tiêu chí do Thanh tra Chính phủ ban hành, xây dựng và ban hành Bộ tiêu chí để áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý;

b) Tổ chức triển khai đánh giá định kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu;

c) Bảo đảm việc thu thập, tổng hợp, báo cáo số liệu đánh giá đầy đủ, chính xác, trung thực.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai đánh giá việc thực hiện trách nhiệm giải trình đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý theo Khung tiêu chí do Thanh tra Chính phủ ban hành và Bộ tiêu chí của các bộ, cơ quan ngang bộ đối với ngành, lĩnh vực tại địa phương;

b) Chỉ đạo áp dụng Bộ tiêu chí phù hợp với đặc thù địa phương trên cơ sở Khung tiêu chí;

c) Báo cáo kết quả đánh giá gửi Thanh tra Chính phủ để tổng hợp.

6. Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện Bộ tiêu chí;

b) Rà soát, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện trách nhiệm giải trình trên phạm vi cả nước;

c) Trường hợp phát hiện kết quả đánh giá không chính xác thì yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tổ chức đánh giá lại hoặc trực tiếp kiểm tra khi cần thiết.

7. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm:

a) Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin, tài liệu phục vụ việc đánh giá;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan có thẩm quyền về tính trung thực của số liệu, báo cáo đánh giá;

c) Thực hiện các biện pháp khắc phục đối với các hạn chế, yếu kém được nêu ra qua kết quả đánh giá.

8. Kết quả đánh giá việc thực hiện trách nhiệm giải trình phải được công khai theo quy định của pháp luật để làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân và phục vụ công tác phòng, chống tham nhũng.".

**Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 21**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1

"1. Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm xây dựng Bộ chỉ số đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp bộ, cấp tỉnh và tài liệu hướng dẫn đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng nhằm bảo đảm việc thực hiện thống nhất, khách quan và đáp ứng yêu cầu của công tác phòng, chống tham nhũng trên phạm vi cả nước theo quy định tại các Điều 17, 18, 19 và 20 của Nghị định này. Tài liệu hướng dẫn bao gồm: nội dung, phạm vi, đối tượng, phương pháp đánh giá, trình tự, thủ tục đánh giá.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3

"3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về kết quả đánh giá của bộ, cơ quan, địa phương mình và gửi kết quả đánh giá để Thanh tra Chính phủ rà soát, tổng hợp.

Trường hợp sau khi rà soát, Thanh tra Chính phủ phát hiện kết quả đánh giá chưa đầy đủ, thiếu chính xác thì phối hợp, hướng dẫn bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức rà soát, đánh giá lại để bảo đảm tính chính xác, khách quan.".

**Điều 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 22**

"1. Nhóm 1 gồm các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của các bộ, ngành:

a) Bộ Công Thương;

b) Bộ Xây dựng;

c) Bộ Tài chính;

d) Bộ Nội vụ;

đ) Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

e) Bộ Tư pháp;

g) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

h) Thanh tra Chính phủ;

i) Văn phòng Chính phủ.

2. Nhóm 2 gồm các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của các bộ, ngành:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Bộ Khoa học và Công nghệ;

c) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

d) Bộ Y tế;

đ) Bộ Dân tộc và Tôn giáo.".

**Điều 9. Bổ sung Chương Va vào sau Chương V**

**"Chương Va**
**THẨM QUYỀN CỦA CƠ QUAN THANH TRA**
**TRONG THANH TRA VỤ VIỆC CÓ DẤU HIỆU THAM NHŨNG"**

**Điều 39a. Nguyên tắc xác định thẩm quyền và việc phối hợp thực hiện thẩm quyền thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng**

1. Thẩm quyền thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng được xác định theo các nguyên tắc sau:

a) Phạm vi quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực, địa giới hành chính;

b) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thanh tra theo quy định của Luật Thanh tra.

2. Cơ quan thanh tra khi phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng không thuộc thẩm quyền của mình thì chuyển ngay thông tin, tài liệu đến cơ quan thanh tra có thẩm quyền để tiến hành thanh tra.

3. Việc phối hợp giữa các cơ quan thanh tra trong thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng phải bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp, kịp thời, hiệu quả và tuân thủ quy định của pháp luật về thanh tra.

**Điều 39b. Thẩm quyền của Thanh tra Chính phủ**

Thanh tra Chính phủ thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng đối với các trường hợp sau đây:

1. Người giữ chức vụ từ Thứ trưởng trở lên đối với các cơ quan có tổ chức cơ quan thanh tra;

2. Người công tác tại bộ, cơ quan ngang bộ, doanh nghiệp nhà nước do bộ, cơ quan ngang bộ quản lý thực hiện, trừ trường hợp được quy định tại Điều 39c của Nghị định này;

3. Người công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ hoạt động;

4. Người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên công tác tại chính quyền địa phương.

**Điều 39c. Thẩm quyền của Thanh tra Bộ Quốc phòng, Thanh tra Bộ Công an, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước**

Thanh tra Bộ Quốc phòng, Thanh tra Bộ Công an, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng đối với người công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trừ trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 39b của Nghị định này.

**Điều 39d. Thẩm quyền của Thanh tra tỉnh**

Thanh tra tỉnh thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng đối với người công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của chính quyền địa phương, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 39b của Nghị định này.

**Điều 39đ. Trách nhiệm của các cơ quan thanh tra trong thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng**

Các cơ quan thanh tra khi thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng theo thẩm quyền phải làm rõ các nội dung sau:

1. Xác định rõ hành vi tham nhũng, người có hành vi tham nhũng và cá nhân, tổ chức có liên quan;

2. Thiệt hại về kinh tế và hậu quả của hành vi tham nhũng;

3. Nguyên nhân và điều kiện phát sinh hành vi tham nhũng;

4. Vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra hành vi tham nhũng;

5. Kiến nghị hình thức xử lý người có hành vi tham nhũng và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra hành vi tham nhũng; biện pháp xử lý tài sản tham nhũng;

6. Hạn chế, bất cập của cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật và đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật để tránh nguy cơ tham nhũng.".

**Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 41**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1

"1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khác đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và người có chức vụ, quyền hạn do mình bổ nhiệm, quản lý trực tiếp.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4

"4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; quyết định tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển vị trí công tác khác đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và người có chức vụ, quyền hạn do mình bổ nhiệm, quản lý trực tiếp.".

**Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Điều 59**

**"Điều 59. Thẩm quyền thanh tra**

1. Thanh tra Chính phủ thanh tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng các đối tượng sau:

a) Tổ chức xã hội do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động các khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện; doanh nghiệp, tổ chức khi được Thủ tướng Chính phủ giao hoặc khi có căn cứ quy định tại Điều 58 của Nghị định này mà các cơ quan thanh tra được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này không tiến hành thanh tra;

b) Công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này.

2. Thanh tra Bộ Quốc phòng, Thanh tra Bộ Công an, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước thanh tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng công ty đại chúng, tổ chức tín dụng thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành mình.

3. Thanh tra tỉnh thanh tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng các đối tượng sau:

a) Tổ chức xã hội do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động các khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện;

b) Công ty đại chúng, tổ chức tín dụng có trụ sở chính đóng trên địa bàn tỉnh mà bộ, ngành quản lý lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh chính của công ty đại chúng, tổ chức tín dụng không có cơ quan thanh tra khi có căn cứ quy định tại Điều 58 của Nghị định này.

Trường hợp công ty đại chúng, tổ chức tín dụng có trụ sở chính đóng trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước mà Thanh tra Bộ Quốc phòng, Thanh tra Bộ Công an, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước không tiến hành thanh tra thì Thanh tra tỉnh tiến hành thanh tra. Trước khi ban hành Quyết định thanh tra, Chánh Thanh tra tỉnh phải trao đổi với Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng, Chánh Thanh tra Bộ Công an, Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp không thống nhất được thì báo cáo Tổng Thanh tra Chính phủ để xem xét, quyết định. Quyết định thanh tra phải được gửi Thanh tra Chính phủ và Thanh tra bộ, ngành có thẩm quyền.".

**Điều 12. Bãi bỏ, thay thế một số cụm từ, điều khoản, nội dung**

1. Bãi bỏ cụm từ ", cơ quan thuộc Chính phủ" tại điểm đ khoản 1 Điều 1, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 37, khoản 6, khoản 7 Điều 41, tại tên Điều 70, khoản 1 Điều 70, khoản 2 Điều 75.

2. Bãi bỏ cụm từ ", Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ" tại khoản 1 Điều 36, tại tên Điều 71, khoản 1, khoản 2 Điều 71, Điều 89.

3. Bãi bỏ, thay thế một số cụm từ tại khoản 1 Điều 73

a) Bãi bỏ cụm từ "và các tổ chức thành viên của Mặt trận" sau cụm từ "Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam".

b) Thay thế cụm từ "Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam" bằng cụm từ "Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam".

4. Bãi bỏ Điều 16.

5. Bãi bỏ khoản 2 Điều 41.

6. Thay thế Phụ lục của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP bằng Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

**Điều 13. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

**Điều 14. Trách nhiệm thi hành**

1. Tổng Thanh tra Chính phủ chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

***Nơi nhận:***
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, V.I (2b). 66

**TM. CHÍNH PHỦ**
**KT. THỦ TƯỚNG**
**PHÓ THỦ TƯỚNG**

**Lê Tiến Châu**

**Phụ lục**

**DANH MỤC VỊ TRÍ CÔNG TÁC PHẢI ĐỊNH KỲ CHUYỂN ĐỔI**

*(Kèm theo Nghị định số 184/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ)*

## A. QUẢN LÝ NGÂN SÁCH, TÀI SẢN TRONG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

1. Phân bổ ngân sách.

2. Kế toán.

3. Mua sắm công.

## B. TRỰC TIẾP TIẾP XÚC VÀ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

### I. TỔ CHỨC CÁN BỘ

1. Thẩm định nhân sự để trình cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

2. Tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, viên chức; thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

3. Thẩm định hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt về tổ chức bộ máy, biên chế.

4. Thẩm định các đề án thành lập mới, sắp xếp lại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp nhà nước, tổ chức phi chính phủ, hội nghề nghiệp.

5. Thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính các cấp.

6. Thẩm định hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền quyết định các hình thức thi đua, khen thưởng, kỷ luật.

7. Phân bổ chỉ tiêu, ngân sách đào tạo.

8. Quản lý, thực hiện chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

### II. TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG

1. Quản lý các đối tượng nộp thuế.

2. Thu thuế, kiểm soát thuế, hoàn thuế, quyết toán thuế, quản lý và cấp phát ấn chỉ.

3. Kiểm hóa hàng hóa xuất nhập khẩu.

4. Thẩm định, kiểm tra và quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Cấp phát tiền, hàng thuộc Kho bạc nhà nước và dự trữ quốc gia.

6. Thanh toán bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

7. Thẩm định, cấp giấy chứng nhận đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam và của Việt Nam ra nước ngoài.

8. Thẩm định dự án.

9. Đấu thầu và quản lý đấu thầu.

10. Lập, phân bổ, quản lý kế hoạch vốn.

11. Quản lý quy hoạch.

12. Quản lý khu công nghiệp - khu chế xuất.

13. Quản lý doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh.

14. Quản lý ODA.

15. Cấp giấy phép hoạt động ngân hàng tổ chức tín dụng.

16. Thực hiện nghiệp vụ cấp tín dụng tại các tổ chức tín dụng nhà nước; thẩm định và quyết định cấp tín dụng; thực hiện nghiệp vụ kế toán, kho quỹ.

17. Xử lý công nợ, các khoản nợ xấu; hoạt động mua và bán nợ; thẩm định, định giá trong đấu giá.

18. Cấp phép hoạt động ngoại hối, kinh doanh vàng, bạc, đá quý.

19. Thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng.

**III. CÔNG THƯƠNG**

1. Cấp các loại giấy phép liên quan đến xuất nhập khẩu, dịch vụ thương mại.

2. Cấp giấy phép liên quan đến việc bảo đảm tiêu chuẩn an toàn trong sản xuất, kinh doanh.

3. Kiểm soát thị trường.

**IV. XÂY DỰNG**

1. Cấp giấy phép trong lĩnh vực xây dựng.

2. Thẩm định dự án xây dựng.

3. Quản lý quy hoạch xây dựng.

4. Quản lý, giám sát chất lượng các công trình xây dựng.

5. Thẩm định, lập kế hoạch, kiểm soát, giám sát, điều phối, đền bù, giải phóng mặt bằng.

6. Giám định kỹ thuật, quản lý các công trình giao thông.

7. Đăng kiểm các loại phương tiện giao thông.

8. Thẩm định, lập kế hoạch, kiểm soát, giám sát, điều phối, đền bù, giải phóng mặt bằng.

**V. Y TẾ**

1. Cấp giấy chứng nhận vệ sinh, an toàn thực phẩm.

2. Cấp giấy chứng nhận hành nghề y, dược.

3. Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc tân dược.

4. Cấp giấy phép nhập khẩu hóa chất diệt côn trùng, khử trùng.

5. Cấp giấy chứng nhận nhập khẩu mỹ phẩm.

6. Kiểm định tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm.

7. Quản lý, giám sát, cung ứng các loại thuốc; dược liệu, dụng cụ, thiết bị vật tư y tế; các loại sản phẩm màu liên quan đến việc bảo vệ chăm sóc sức khỏe con người và lợi ích xã hội.

8. Thẩm định và định giá các loại thuốc tân dược.

**VI. VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

1. Thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế.

2. Thẩm định hồ sơ và cấp bằng di tích cấp quốc gia.

3. Thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép thăm dò, khai quật khảo cổ.

4. Thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép mang di vật, cổ vật không thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ra nước ngoài.

5. Thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, thi người đẹp, người mẫu.

6. Thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

7. Thẩm định hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền quyết định công nhận hạng cơ sở di trú du lịch.

8. Thẩm định và cấp phép chương trình, tiết mục, vở diễn của các tổ chức cá nhân Việt Nam đi biểu diễn ở nước ngoài và các tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn tại Việt Nam.

9. Thẩm định, trình phê duyệt các dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt theo quy định của pháp luật.

10. Trình phê duyệt hoặc thỏa thuận việc xây dựng các công trình ở khu vực bảo vệ II đối với di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt.

**VII. NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

1. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu, sử dụng tài sản gắn liền với đất.

2. Cấp giấy phép khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản.

3. Cấp giấy phép xử lý, vận chuyển chất thải nguy hại.

4. Cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường.

5. Cấp giấy phép về thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước.

6. Xử lý hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu, sử dụng tài sản gắn liền với đất.

7. Bán, cho thuê tài sản gắn liền với đất; giao hạn mức đất; quản lý việc áp dụng đền bù, xác định người sử dụng đất thuộc đối tượng bồi thường, được hỗ trợ; mức bồi thường, hỗ trợ trong giải phóng mặt bằng.

8. Xử lý vi phạm về môi trường.

9. Cấp giấy cho thuê đất, giao đất; quản lý động vật thuộc danh mục quý hiếm.

10. Kiểm dịch động vật.

11. Kiểm lâm.

12. Kiểm soát thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, bệnh động vật, gia súc, gia cầm.

13. Cấp phép, giấy chứng nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm.

14. Theo dõi, quản lý bảo vệ nguồn lợi thủy sản, quản lý chất lượng an toàn vệ sinh, thú y, thủy sản.

**VIII. NGOẠI GIAO**

Tiếp nhận và xử lý hồ sơ lãnh sự.

**IX. TƯ PHÁP**

1. Chấp hành viên cơ quan thi hành án dân sự ở các cấp.

2. Thẩm tra viên thi hành án dân sự.

3. Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài, đăng ký giao dịch bảo đảm.

4. Cải chính tư pháp, chứng nhận tư pháp.

**X. NỘI VỤ**

1. Thẩm định hồ sơ cấp phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2. Thẩm định hồ sơ thành lập các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề; cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề cho các cơ sở dạy nghề; phân bổ chỉ tiêu, kinh phí dạy nghề.

3. Thẩm định hồ sơ người có công; phê duyệt, cấp phát kinh phí ưu đãi đối với người có công.

4. Thẩm định và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn.

5. Thẩm định và cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài tại Việt Nam.

**XI. KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

1. Hợp tác, trao đổi khoa học và công nghệ có yếu tố nước ngoài.

2. Thẩm định hồ sơ cấp, điều chỉnh, thu hồi, gia hạn các loại giấy phép, giấy chứng nhận, giấy đăng ký trong quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

3. Thẩm định, giám định công nghệ đối với các dự án đầu tư.

4. Thẩm định, tư vấn cấp các văn bằng sở hữu trí tuệ.

5. Phân bổ, thẩm định các đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực Khoa học và Công nghệ.

6. Cấp giấy phép hoạt động về bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, báo chí và xuất bản.

7. Cấp và phân bổ tài nguyên thông tin (kho số, tần số, tài nguyên Internet, quỹ đạo vệ tinh).

8. Quản lý các chương trình quảng cáo trên các phương tiện phát thanh, truyền hình, trên Internet.

9. Phân bổ, thẩm định, quản lý các dự án, đề án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông.

**XII. GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

1. Tuyển sinh, đào tạo thuộc các trường công lập.

2. Phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo cho các trường trong hệ thống giáo dục quốc dân; phân bổ chỉ tiêu đào tạo sau đại học và chỉ tiêu đào tạo ở nước ngoài.

3. Thẩm định, phê duyệt chương trình đào tạo, bồi dưỡng của các nhà trường trong hệ thống giáo dục quốc dân.

4. Thẩm định sách giáo khoa, giáo cụ giảng dạy, các vật tư kỹ thuật khác phục vụ giảng dạy, nghiên cứu.

5. Thẩm định hồ sơ thành lập các trường trong hệ thống giáo dục quốc dân.

6. Quản lý các dự án, đề án thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo.

7. Phân bổ, thẩm định các đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo.

**XIII. QUỐC PHÒNG**

1. Giám đốc trung tâm dạy nghề và giới thiệu việc làm cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Trạm trưởng, Phó trạm trưởng thuộc đồn Biên phòng.

3. Trợ lý quân lực, Trợ lý cán bộ cấp Trung đoàn trở lên.

4. Trợ lý quản lý học viên, tuyển sinh, chính sách, bảo hiểm của các nhà trường.

**XIV. CÔNG AN**

1. Cấp hộ chiếu, quản lý xuất nhập cảnh, nhập cư, cư trú của người nước ngoài ở Việt Nam.

2. Kiểm soát cửa khẩu.

3. Đăng ký và cấp biển số các loại phương tiện giao thông; tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính về trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt.

4. Sát hạch, cấp phép cho người điều khiển phương tiện giao thông.

5. Đăng ký, quản lý hộ khẩu.

6. Đăng ký, quản lý các ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

7. Điều tra viên, trinh sát (các lĩnh vực: kinh tế, chống tham nhũng, buôn lậu, hình sự, ma túy, môi trường).

8. Thẩm định, phê duyệt thiết kế phòng cháy, kiểm tra an toàn phòng cháy.

9. Tuyển công dân phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân, tuyển sinh, tuyển dụng cán bộ, công chức.

10. Xử lý vi phạm về trật tự an toàn xã hội.

11. Giám thị, quản giáo tại các trại giam, trại tạm giam.

12. Thủ kho, thủ quỹ, quản lý vốn, quản lý vật tư, tài sản, phương tiện, quản lý dự án, thẩm định dự án, quản lý công trình, kế hoạch đầu tư, mua sắm cấp phát, quản lý vũ khí, khí tài, quản lý trang cấp.

**XV. THANH TRA VÀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC**

1. Làm công tác thanh tra.

2. Phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.